



tiān yì

天意

noun · divine will; fate

Example Sentences

Zhè yě xǔ shì tiān yì ba
这也许是天意吧。

Maybe this is fate.

Tā men xiāng xìn zhè chǎng yǔ shì tiān yì
他们相信这场雨是天意。

They believe this rain is divine will.

Trace each character, then write the word on your own.

天	天	天	天	天	天	天								
意	意	意	意	意	意	意	意	意	意	意	意			
意	意	意	意	意										